TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIAG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HS-ST
Ngày: 11-11-2022

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Rỡ

ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ NhA – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Hoài Khanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2022/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST – HS ngày 17 tháng 10 năm 2022, đối với bị cáo:

Bùi Vĩnh A, sinh ngày 17/10/1997, tại huyện GR, tỉnh KG; Nơi cư trú: ấp CH, xã Hòa A, huyện GR, tỉnh KG; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Minh Đ và bà Nguyễn Thị H; có vợ tên Thị Ngọc; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: tốt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2022 đến ngày 03/6/2022 chuyển sAg tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm: 1978

Nơi cư trú: ấp Vb, xã NT, huyện GR, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 25 tháng 5 năm 2022, bị cáo Bùi Vĩnh A điều khiển xe mô tô biển số 84F8 – 2612 đi từ hướng chợ Giồng Riềng về đến cầu Vàm Xáng - Thị đội thì phát hiện chị Nguyễn Thị Thu Th đang điều khiển xe mô tô đi hướng từ xã Ngọc Chúc về xã Ngọc Thành trên tay cầm chiếc điện thoại Iphone 6 vừa nghe điện thoại vừa chạy xe. Bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên nên quay xe lại và chạy bám theo chị Th đến khu vực ấp Ngọc Thạnh, xã Ngọc Chúc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg, lợi dụng chị Th không chú ý, bị cáo lấy chiếc điện thoại của chị Th rồi nhAh chóng bỏ chạy về hướng trung tâm xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng. Chị Th liền truy hô và nhờ người dân xung quAh điện báo. Lực lượng công A xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng đã chốt chặn vây bắt bị cáo cùng cùng tAg vật của vụ án.

Quá trình điều tra, chị Th xác định chiếc điện thoại di động bị giật hiệu Iphone 6, màu vàng, số máy MG5Y2LL/A, số sê ri: DNQNHSVUG5MF, ốp lưng màu đỏ, máy đã qua sử dụng; phía sau ốp lưng có hai tờ tiền có mệnh giá 2 USD; hai tờ vé số tỉnh Bình Phước (không trúng). Chị Th xác định đã nhận lại tài sản, không có thiệt hại gì nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Ngày 01/6/2022, Cơ quA cảnh sát điều tra Công A huyện Giồng Riềng đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị cA và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ đối với bị cáo từ ngày 25/5/2022 đến ngày 03/6/2022 chuyển sAg tạm giam cho đến nay.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án: Một điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng, số máy MG5Y2LL/A, số sê ri: DNQNHSVUG5MF, ốp lưng màu đỏ, máy đã qua sử dụng; một xe mô tô biển số 84F8 – 2612, số khung, số máy không xác định, đã qua sử dụng; hai tờ tiền có mệnh giá 2 USD; hai tờ vé số tỉnh Bình Phước có số là 810773, mở ngày 07/5/2022 (không trúng).

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 29/8/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg đã truy tố bị cáo Bùi Vĩnh A về tội "Cướp tài giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quA điểm truy tố bị cáo Bùi Vĩnh A về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự và căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo;

Về trách nhiệm hình sự: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Vĩnh A từ 03 năm đến 3 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường do đã nhận lại tài sản nên đề nghị không xem xét

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước một xe mô tô loại xe Dream Trung Quốc biển đăng số 84F8 – 2612 nhưng số khung, số máy không xác định, đã qua sử dụng do đây là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng, số máy MG5Y2LL/A, số sê ri: DNQNHSVUG5MF, ốp lưng màu đỏ, máy đã qua sử dụng; hai tờ tiền có mệnh giá 2 USD; hai tờ vé số tỉnh Bình Phước có số là 810773 đã được Cơ quA cảnh sát điều tra xử lý giao trả lại cho chị Th nên đề nghị không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quA điều tra Công A huyện Giồng Riềng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quA tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Vĩnh A đã khai nhận: Do không có tiền tiêu xài nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người đi đường để nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Với thủ đoạn bằng cách theo dõi người đi đường có mAg theo tài sản, công khai chiếm đoạt một cách nhAh chóng và bất ngờ tẩu thoát nhằm tránh sự phản kháng của người chủ sở hữu tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt và bị cáo đã thực hiện hành vi giật lấy chiếc điện thoại Iphone 6 của chị Th khi chị Th vừa nghe điện thoại vừa lái xe lưu thông trên đường và nhAh chóng bỏ chạy.

Lời nhận tội trên của bị cáo cho thấy phù hợp với biên bản lấy lời khai, lời trình bày của những người bị hại và các chứng cứ khác mà Cơ quA điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án về thời giA, địa điểm, phương thức, thủ đoạn bị cáo đã thực hiện và tài sản bị cáo đã giật lấy. Tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được định giá thành tiền là 1.312.720 đồng.

Hành vi dùng xe mô tô là nguồn nguy hiểm cao độ của bị cáo để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, đây được xem là tình tiết định khung hình phạt dùng thủ đoạn nguy hiểm. Bởi việc dùng xe mô tô phân khối lớn để giật lấy tài sản một cách bất ngờ có thể làm người bị hại té ngã ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng truy tố bị cáo Bùi Vĩnh A về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là một thAh niên tuổi đời còn trẻ, có đầy đủ sức khỏe, đáng lẻ ra bị cáo phải tích cực lao động để tạo ra nguồn thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình nhưng trái lại vì muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân, bị cáo đã nảy sinh việc chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo đã quA sát và dõi theo người bị hại, khi không đủ khả năng bảo vệ tài sản giật lấy điện thoại một cách bất ngờ và nhAh chóng bỏ chạy. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo cũng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật; nhưng vì muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân mà bị cáo đã bất chấp pháp luật. Vì thế cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời giA nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo tỏ rõ sự ăn năn hối cải. Xét đề nghị của đại diện Viện

kiểm sát áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định trên, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả cho bị hại Th nên không gây thiệt hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cho bị cáo. Do bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, chuyển khung hình phạt và cân nhắc khi quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội nhưng cũng thể hiện sự khoA hồng của Đảng và Nhà nước ta.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại chị Nguyễn Thị Thu Th đã nhận lại tài sản và xác định không có thiệt hại xảy ra nên không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; một xe mô tô biển số 84F8 – 2612, số khung, số máy không xác định, đã qua sử dụng do đây là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước .

Đối với một điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng, số máy MG5Y2LL/A, số sê ri: DNQNHSVUG5MF, ốp lưng màu đỏ, máy đã qua sử dụng; hai tờ tiền có mệnh giá 2 USD; hai tờ vé số tỉnh Bình Phước có số là 810773 đã được Cơ quA cảnh sát điều tra xử lý bằng cách giao trả cho chị Th nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] Về án phí: Buộc bị cáo A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm h, s khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 5, Điều 38, điểm d khoản 2 Điều 171; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 1,2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điÓm a kho¶n 1 §iÒu 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố bị cáo Bùi Vĩnh A phạm tội "Cướp giật tài sản".

Xử phạt bị cáo Bùi Vĩnh A 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 25/5/2022.

2. Về xử lý vật chứng: tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước một chiếc xe mô tô biển số 84F8 – 2612, số khung, số máy không xác định, đã qua sử dụng

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 34/QĐ –VKS ngày 29/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên GiAg)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: buộc bị cáo Bùi Vĩnh A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) .

Báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; kể từ ngày tuyên án (ngày 11-11- 2022);

Nơi nhận:
- *TAD tỉnh;*
- *VKSND huyện* **;**
- *Trại tạm giam;*
- *Cơ quA điều tra;*
- *CQ Thi hành án dân sự huyện;*
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA